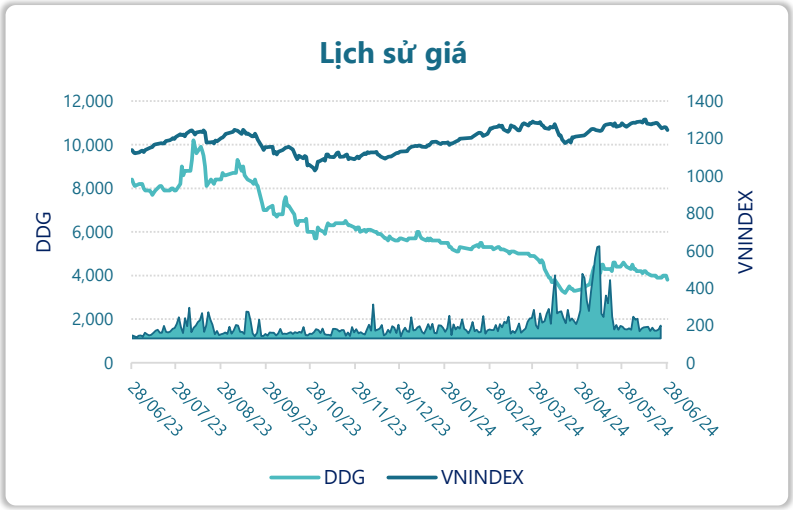
FireAnt

CTCP Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương (HNX: DDG)



Thông tin giao dịch	28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**3,800**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	10,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,200
SL cổ phiếu LH	79,839,886
KLGD BQ 20 phiên (CP)	443,590
% sở hữu nước ngoài	3.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	303
P/E	34.1
EPS	112

DT thuần

Q2/24

62.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 5.00| 8.6%

YoY: ▼127| -67.1%

LN sau thuế

Q2/24

1.52

tỷ VNĐ

QoQ: ▼3.49| -69.6%

YoY: ▲ 195| 101%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/24

43.0%

+/- YoY: ▲ 125%

DT thuần

6T 2024

120

tỷ VNĐ

YoY: ▼229| -65.6%

LN sau thuế

6T 2024

6.53

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 200| 103%

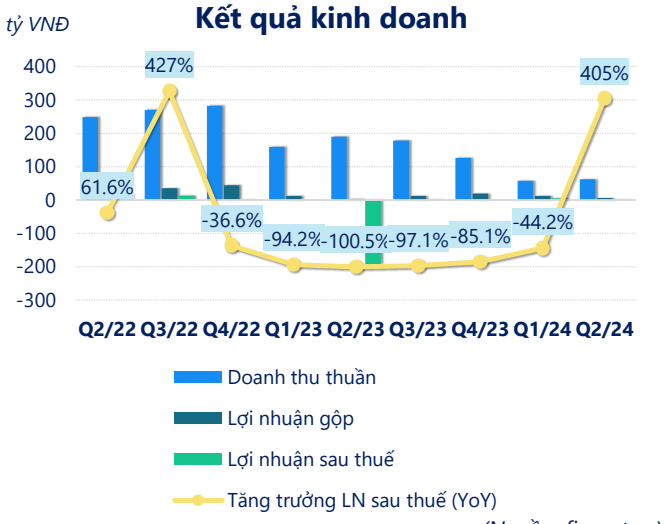
ROE

Q2/24

1.3%

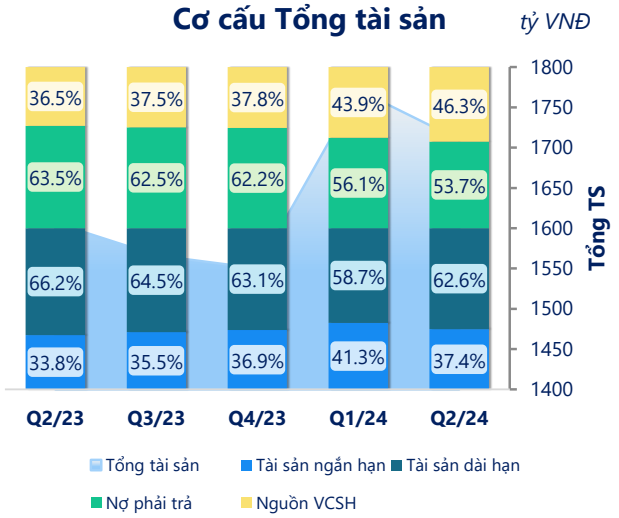
+/- YoY: ▲ 28.5%

Kết quả kinh doanh



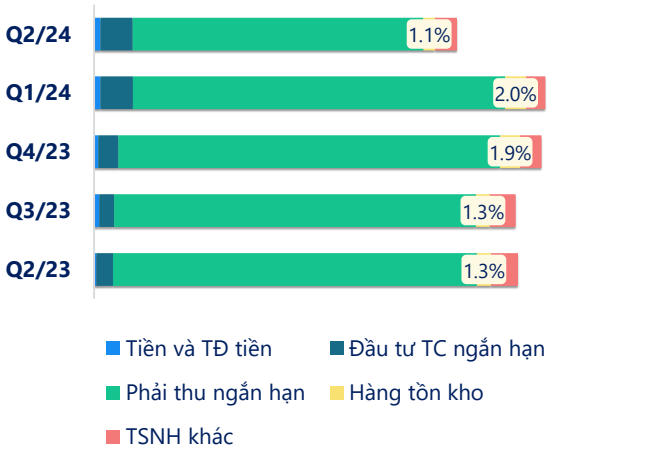
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



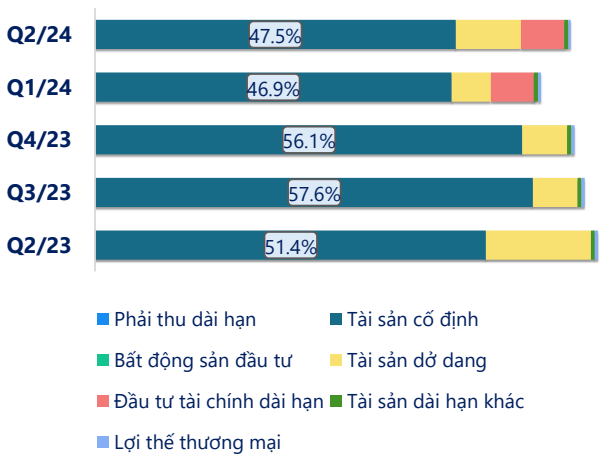
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



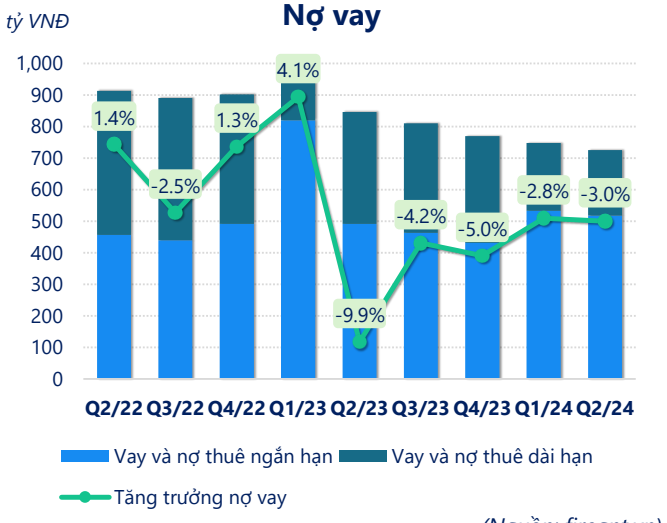
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



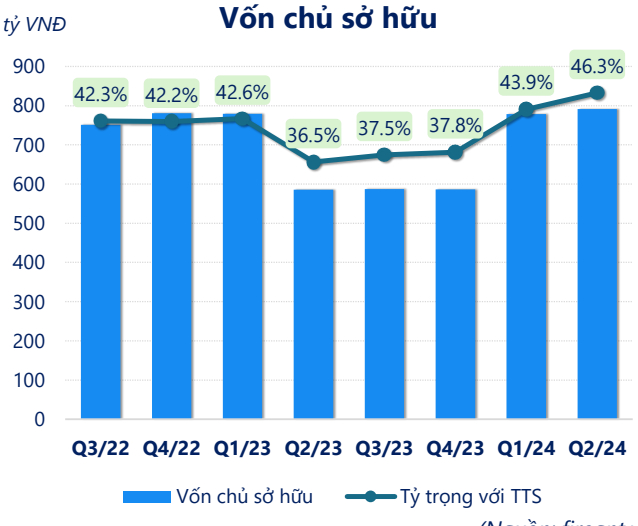
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



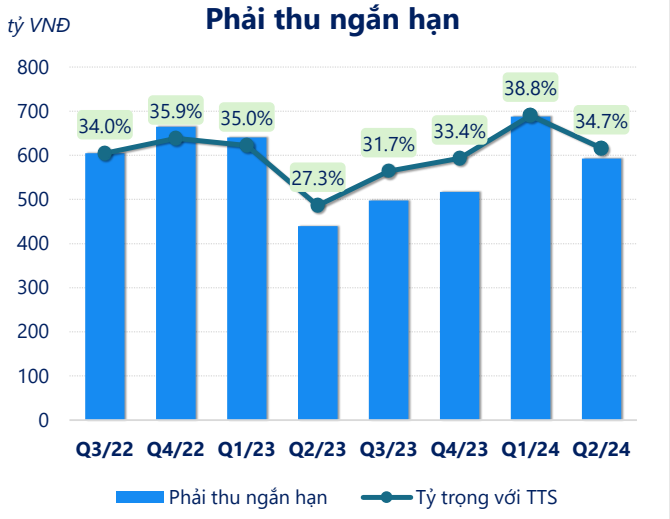
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



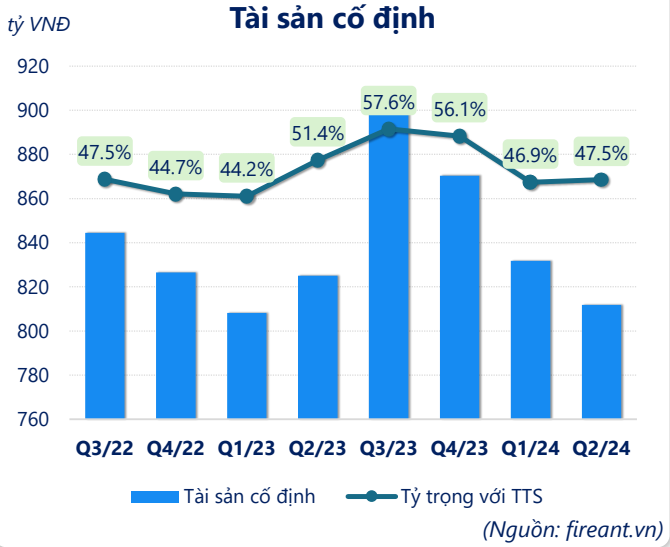
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



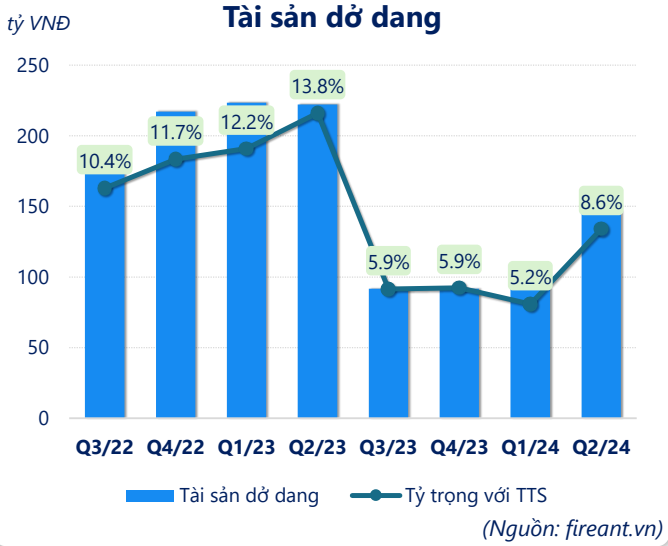
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



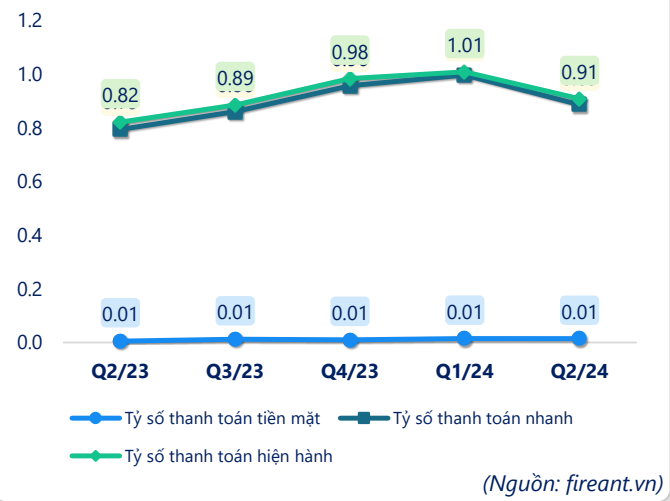
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



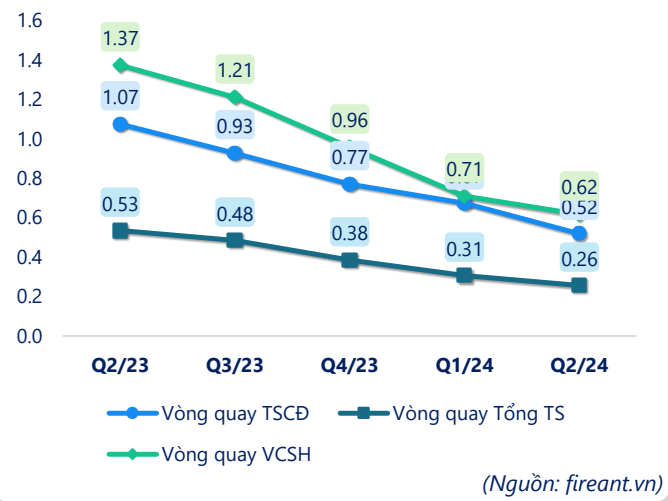
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Tổng tài sản	**1,606**	**1,566**	**1,550**	**1,772**	**1,710**
Tài sản ngắn hạn	**542**	**556**	**571**	**732**	**639**
Tiền và tương đương tiền	3.35	7.76	6.10	10.7	10.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	48.5	10.0	10.0	0	0
Phải thu ngắn hạn	439	497	517	688	593
Hàng tồn kho	17.9	15.9	15.4	8.55	15.3
Tài sản ngắn hạn khác	33.3	25.5	22.6	24.7	20.8
Tài sản dài hạn	**1,064**	**1,010**	**979**	**1,040**	**1,071**
Phải thu dài hạn	1.56	1.53	1.53	0.05	0.05
Tài sản cố định	825	902	870	832	812
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	222	91.7	91.7	91.7	147
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	99.9	97.1
Tài sản dài hạn khác	8.21	8.09	8.52	10.0	9.90
Lợi thế thương mại	7.20	6.99	6.77	6.56	5.23
Nợ phải trả	**1,021**	**979**	**964**	**993**	**919**
Nợ ngắn hạn	**660**	**628**	**581**	**726**	**704**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	491	463	431	533	518
Phải trả người bán ngắn hạn	53.7	46.2	48.3	56.9	48.1
Nợ dài hạn	360	351	383	268	215
Vay và nợ thuê dài hạn	355	347	339	215	207
Nguồn vốn chủ sở hữu	**586**	**587**	**587**	**778**	**791**
Vốn chủ sở hữu	**586**	**587**	**587**	**778**	**791**
Vốn điều lệ	598	598	598	798	798
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)